

Câu 1: Ông Thìn có hai người con là Trung và Thành. Thành có con là Tần và Ngân; Thành chết để lại di sản 180 triệu nhưng không lập di chúc. Ứng dụng với mỗi giả sử sau, người nào sẽ được chia tài sản

- A. Nếu Thành và Thìn chết cùng thời điểm, di sản chia cho Tần và Ngân
- B. Nếu Thành chết trước, Thìn chết sau, di sản chia cho Tần, Ngân và Trung
- C. Nếu Thìn chết trước, Thành chết sau, di sản chia cho Tần, Ngân và Trung
- D. Nếu Thành và Thìn chết cùng thời điểm, di sản chia cho Tần, Ngân và Trung
- E. A và B đúng

Câu 2: Ông A có hai người con là B và C; C có con là D và E. Ông A lập di chúc cho C toàn bộ di sản 400 triệu. Nếu A và C chết cùng thời điểm thì phương án chia di sản sẽ là:

- A. D và E mỗi người 200 triệu, vì thừa kế thế vị
- B. B được 400 triệu, vì người duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ nhất
- C. B được 200 triệu vì thuộc hàng thừa kế thứ nhất; D và E mỗi người 100 triệu vì thừa kế thế vị
- D. A, B, và C sai

Câu 3: Khi lập di chúc phân chia di sản buộc phải chia cho:

- A. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của mình
- B. Con dưới 18 tuổi (nếu có) một phần bằng hai phần ba một suất, nếu đem di sản chia theo pháp luật
- C. Chia cho cha, mẹ (nếu còn sống) mỗi người một phần
- D. B và C đúng
- E. A, B, C sai

Câu 4: Giữa những đối tượng nào sau đây không được giúp làm chứng trong việc lập di chúc

- A. Giữa bố (hoặc mẹ) chồng với con dâu
- B. Giữa bố (hoặc mẹ) vợ với con rể
- C. Giữa những người cùng hàng thừa kế
- D. A, B, C đúng
- E. A và B đúng

Câu 5: Giữa người lập di chúc để lại thừa kế có thể có mối quan hệ nào sau đây

- A. Giữa họ có quan hệ hôn nhân huyết thống
- B. Giữa họ là bạn bè
- C. Giữa họ cùng hàng thừa kế lẫn nhau
- D. A, B, và C đúng
- E. A và B đúng

Câu 6: Di chúc được coi là không hợp pháp khi

- A. Không chia cho cha, mẹ, con chưa thành niên, vợ, chồng của người lập di chúc
- B. Do người chưa đủ 15 tuổi lập mà không có sự đồng ý của cha, mẹ hay người giám hộ
- C. Người lập di chúc bằng văn bản vẫn còn sống quá mười năm, kể từ khi lập di chúc
- D. A, C đúng
- E. B, C đúng

Câu 7: Ông Long có con là Hùng và Dũng. Hùng có con là Hưng và Hóa. Ông Long có 160 triệu và lập di chúc chia đều cho Hùng và Dũng. Tuy nhiên, Hùng chết trước, ông Long chết sau. Vậy phương án chia thừa kế là:

- A. Dũng 120 triệu; Hưng 20 triệu; Hóa 20 triệu
- B. Dũng 130 triệu; Hưng 15 triệu; Hóa 15 triệu
- C. Dũng 80 triệu; Hưng 40 triệu; Hóa 40 triệu
- D. Dũng 160 triệu
- E. Tất cả đều sai

Câu 8: Ông Tài có tài sản riêng là 60 triệu. Ông Tài có vợ là bà Hoa và có 2 con chung đều dưới 18 tuổi. Vợ chồng ông Tài có tài sản chung 600 triệu. Ông Tài lập di chúc tặng toàn bộ tài sản của mình cho một tổ chức từ thiện. Nếu bà Hoa yêu cầu chia cho bà và hai con của mình thì bà Hoa được nhận bao nhiêu trong di sản

- A. 80 triệu
- B. 120 triệu
- C. 300 triệu
- D. 380 triệu
- E. Tất cả đều sai

Câu 9: Ông Nam có hai người con là Ngân và Hà. Hà có chồng là Mạnh và hai con là Mỹ và Nhân. Hà để lại di sản 270 triệu và lập di chúc chia đều di sản cho Mạnh, Mỹ và Nhân. Giả sử Hà chết trước, ông Nam chết sau rồi di sản mới được đem ra chia. Trong tình huống này nếu có tranh chấp thì phương án chia thừa kế là:

- A. Mạnh, Mỹ và Nhân mỗi người 90 triệu
- B. Mạnh, Mỹ và Nhân mỗi người được 70 triệu; Ngân được 60 triệu
- C. Mạnh 70 triệu; Mỹ 85 triệu; Nhân 85 triệu; và Ngân 30 triệu
- D. Ngân, Mạnh, Mỹ và Nhân mỗi người 67.5 triệu
- E. Tất cả đều sai**

Câu 10: Huệ có chồng là Linh, Huệ nhận hai người con nuôi là Giang và Hào. Huệ có tài sản riêng là 240 triệu. Trong tình huống này, giả sử có tranh chấp, Linh được hưởng di sản khi:

- A. Huệ lập di chúc chia cho Linh
- B. Huệ lập di chúc nhưng không chỉ cho Linh
- C. Huệ lập di chúc chia cho Giang và Giang chết cùng thời điểm với Huệ
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 11: Ông Huân có con là Tân và Ba. Tân có vợ là Hằng và hai con là Sửu và Dần. Biết rằng ông Huân chết để lại di sản 500 triệu, Sửu và Dần được chia thừa kế thế vị khi:

- A. Ông Hưng lập di chúc cho Ba và Tân nhưng Ba chết trước, ông Huân chết sau
- B. Ông Hưng lập di chúc cho Ba và Tân nhưng cả Ba và Tân chết trước, ông Huân chết sau**
- C. Ông Huân lập di chúc cho Bà và Tân, ông Huân chết trước, Ba chết sau
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 12: Ông Thành chết ngày 1.8.2005 để lại di sản 1 tỷ đồng; ông có ba người con là Tân, Tấn và Tần (Tần có vợ là Ngân). Biết rằng, ngày 1.6.2005 ông Thành lập di chúc chia đều cho ba người con, đồng thời nêu rõ, việc chia thừa kế chỉ được thực hiện từ ngày 1.8.2008. Tuy nhiên sau khi Tần chết vào ngày 1.10.2008 và giữa Tân, Tấn, và Ngân phát sinh tranh chấp. Nếu những người này nộp đơn yêu cầu Tòa án chia thừa kế thì phải đảm bảo trong thời hạn sau đây

- A. 10 năm kể từ ngày 1.8.2005
- B. 10 năm kể từ ngày 1.6.2005
- C. 10 năm kể từ ngày 1.8.2008
- D. 10 năm kể từ ngày 1.10.2008
- E. Tất cả đều sai

Câu 13: Ông Trần Lập có con là Lân và Lâm (Lâm có chồng là Quốc), Lân (có vợ là Hoa). Ông Lập chết để lại di sản 600 triệu và chia cho Lãng 150 triệu; Lâm 250 triệu và Lân 200 triệu. Tuy nhiên, sau khi ông Lập chết, năm người này thỏa thuận chia đều di sản (tức mỗi người 125 triệu). Vậy việc thỏa thuận này là

- A. Sai, vì để cho Quốc và Hoa hưởng di sản trái ý nguyện vọng của ông Lập trong di chúc
- B. Sai, vì ông Lập không chia đều cho Quốc và Hoa nên Quốc và Hoa không có quyền tham gia thỏa thuận
- C. Đúng, vì phương pháp điều chỉnh trong việc thừa kế là bình đẳng, thỏa thuận, tự nguyện
- D. A, B đúng
- E. Tất cả đều sai

Câu 14: Vợ chồng ông A và bà B có con là C và D; D có vợ là E, có con là F và H. Ông A và bà B có tài sản chung là 360 triệu. Ông A, bà B, và D cùng bị tai nạn giao thông nhưng sau ông A chết trước, B và D chết cùng thời điểm (nhưng sau ông A). Vậy phương án chia di sản sẽ là:

- A. C 180 triệu; F và H mỗi người 90 triệu
- B. C 180 triệu; E 20 triệu; F 80 triệu; H 80 triệu
- C. C 150 triệu; E, F, H mỗi người 70 triệu
- D. Tất cả đều sai

Câu 15: Ông A có con là B và C, C có con là X và Y. C có tài sản riêng là 90 triệu. Biết rằng, C chết trước, ông A chết sau rồi mới tiến hành phân chia di sản. Nếu không có di chúc thì phương án phân chia thừa kế là

- A. B, X, Y mỗi người 30 triệu**
- B. B 15 triệu, X và Y mỗi người 37.5 triệu
- C. B 10 triệu, X và Y mỗi người 40 triệu
- D. X và Y mỗi người 45 triệu
- E. Tất cả đều sai

Câu 16: Vợ chồng ông Tạo và bà Hiền có tài sản chung là 720 tỷ; có con đẻ là Hân (17 tuổi) và con nuôi là Tuấn (25 tuổi, có khả năng lao động). Ông Tạo chết được 3 năm, bà Hiền chết sau và lập di chúc cho người cháu ruột của mình là Loan toàn bộ di sản. Nếu có tranh chấp phương án chia thừa kế là

- A. Hân 300 triệu, Loan 240 triệu, Tuấn 180 triệu
- B. Hân 300 triệu, Loan 120 triệu, Tuấn 300 triệu
- C. Hân 240 triệu, Loan 360 triệu, Tuấn 120 triệu
- D. Tất cả đều sai**

Câu 17: Ông Khánh lập di chúc miệng nhưng chỉ có thể nhờ những người nào sau đây làm chứng

- A. Hồng (cháu ruột gọi ông Khánh bằng chú)
- B. Ông Bảy (bố vợ ông Khánh)**
- C. Vân (cháu gọi ông Khánh bằng cố, tức cụ)
- D. A và B đúng
- E. A và C đúng

Câu 18: Ông Thắng để lại di sản 450 triệu nhưng không lập di chúc. Ông Thắng và bà Nam có hai người con là Lâm và Sơn. Sơn có vợ là Hải và con là Hùng, và Dũng. Biết rằng, Sơn chết sau ông Thắng rồi mới chia di sản. Vậy phương án chia thừa kế sẽ là

- A. Lâm 150 triệu; Hùng 50 triệu; Dũng 50 triệu; Năm 150 triệu; Hải 50 triệu**
- B. Lâm 150 triệu; Hùng 37.5 triệu; Dũng 37.5 triệu; Năm 187.5 triệu; Hải 37.5 triệu
- C. Lâm 150 triệu; Hùng 75 triệu; Dũng 75 triệu; Năm 150 triệu
- D. Tất cả đều sai

Câu 19: Bà Hậu có con là Tá (16 tuổi), Huệ và Nga. Trong tình huống này. Tá sẽ không được chia di sản khi:

- A. Bà Hậu lập di chúc không chia cho Tá
- B. Tá chết trước hoặc cùng bà Hậu**
- C. Bà Hậu không lập di chúc
- D. A, C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 20: Ông Ngô có người con ruột là bà Bé; cháu gọi ông Ngô là chú ruột là Như (17 tuổi); ông nội là Nhật và người anh ruột là Lắm. Ông Ngô chết để lại di sản nhưng không lập di chúc. Vậy theo quy định của pháp luật người thừa kế là:

- A. Bé, Như, Nhật, Lắm
- B. Nhật và Lắm
- C. Bé, Nhật và Lắm
- D. Tất cả đều sai**

Câu 21: Nội dung nào sau đây không đúng với việc chia thừa kế theo di chúc

- A. Chỉ người nào có tên, có phần trong di chúc mới được chia
- B. Người có tên, có phần trong di chúc không được từ chối nhận di sản
- C. Xác định phần của người thừa kế thế vị
- D. Tất cả đều sai
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 22: Ông Nhân có con là Tùng, Mỹ là cháu ruột ông Nhân, Mỹ có con là Lê. Vậy giữa Tùng và Lê thuộc hàng thừa kế nào

- A. Hàng thứ nhất
- B. Hàng thứ hai
- C. Hàng thứ ba
- D. Không thuộc hàng thừa kế nào**

Câu 23: Ông Quốc có 2 người con đẻ là Phú (27 tuổi), Sỹ (24 tuổi) và một người con nuôi là Loan (17 tuổi), biết rằng cả ba đều có khả năng lao động. Ông Quốc có 270 triệu nhưng lập di chúc cho Loan, Sỹ, mỗi người 90 triệu còn lại không chia. Vậy phương án nào sau đây đúng đối với việc chia 90 triệu không lập di chúc

- A. Phú nhận được 90 triệu này vì Phú không được chia trong di chúc
- B. Loan được 20 triệu vì hưởng theo đối tượng không phụ thuộc di chúc; Sỹ và Phú mỗi người 35 triệu
- C. Có thể do Phú, Sỹ và người tham gia giám hộ của Loan thỏa thuận chia 90 triệu
- D. Loan, Sỹ, Phú mỗi người 30 triệu
- E. C và D đúng**

Câu 24: Ông Xuân và bà Thu, có hai con chung là Ngũ và Lục. Lục có vợ là Linh, có hai con là Tiến và Tân. Vợ chồng ông Xuân bà Thu có tài sản chung là 720 triệu. Ông Xuân lập di chúc cho bà Thu một nửa tài sản; một nửa còn lại chia đều cho Ngũ và Lục. Biết rằng, Lục chết cùng thời điểm với ông Xuân. Vậy phần di sản chia cho Lục được giải quyết như thế nào

- A. Bà Thu và Ngũ mỗi người được nhận một phần ba; Tiến và Tân mỗi người được nhận một phần sáu
- B. Chia đều cho bà Thu, Ngũ, Tiến và Tân
- C. Chia đều cho Tiến và Tân**
- D. Chia đều cho Thu và Ngũ
- E. Tất cả đều sai

Câu 25: Bà Hiền có người con đẻ là Hân (17 tuổi), Hoan (23 tuổi) và Tuấn là con nuôi (15 tuổi), đều có khả năng lao động. Bà Hiền có 270 triệu lập di chúc cho Hân toàn bộ di sản. Nếu có tranh chấp thì phương án chia thừa kế là

- A. Hân 180 triệu, Hoan và Tuấn mỗi người 60 triệu
- B. Hân 210 triệu, Tuấn 60 triệu**
- C. Hân 180 triệu và Tuấn 90 triệu
- D. Hân 270 triệu
- E. Tất cả đều sai

Câu 26: Ông Khánh lập di chúc miệng nhưng trái pháp luật, vì không đảm bảo điều kiện người làm chứng. Vậy những người thừa kế di sản của ông Khánh

- A. Không được thỏa thuận chia theo di chúc
- B. Buộc phải chia theo pháp luật
- C. Vẫn có thể thỏa thuận chia theo di chúc
- D. A và B đúng**
- E. A và C đúng

Câu 27: Ông Thắng có 600 triệu chia cho 3 người con đã thành niên và có khả năng lao động gồm: Lâm 100 triệu, Sơn 200 triệu, Hải 300 triệu, Hải có con là Thủy (12 tuổi) và Ngân 20 (tuổi). Biết rằng ông Thắng và Hải chết cùng thời điểm. Vậy phương án chia thừa kế sẽ là

- A. Lâm 200 triệu, Sơn 400 triệu, Thủy và Ngân mỗi người 150 triệu
- B. Lâm 200 triệu, Sơn 300 triệu, Thủy và Ngân mỗi người 50 triệu
- C. Lâm 100 triệu, Sơn 200 triệu, Hải 300 triệu
- D. Lâm 250 triệu, Sơn 350 triệu
- E. Tất cả đều sai**

Câu 28: Bà Hậu có 2 người con là Loan và Hằng (Hằng có hai con là Mỹ và Nhân). Bà Hậu để lại di sản là 100 triệu. Trong tình huống này, Mỹ và Nhân sẽ được chia di sản khi

- A. Bà Hậu lập di chúc chia cho Hằng nhưng Hằng chết cùng thời điểm với bà Hậu
- B. Bà Hậu không lập di chúc và Hằng chết cùng thời điểm với bà Hậu
- C. Bà Hậu lập di chúc chỉ cho Mỹ và Nhân
- D. B, C đúng
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 29: Ông Ngô sống chung với bà Bé nhưng không đăng ký kết hôn và giữa họ có một người con chung là Như (17 tuổi). Ông Ngô có một người con nuôi là Lắm (25 tuổi). Trước khi chết, ông Ngô lập di chúc cho Lắm toàn bộ 180 triệu. Nếu có tranh chấp thì Như được nhận di sản là:

- A. 90 triệu
- B. 60 triệu**
- C. 40 triệu
- D. 20 triệu
- E. Tất cả đều sai

Câu 30: Nội dung nào sau đây chỉ đúng với việc thừa kế theo di chúc

- A. Chỉ người có tên trong di chúc mới được chia di sản
- B. Người có tên, có phần trong di chúc không được từ chối nhận di sản
- C. Xác định phần của người thừa kế thế vị
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều sai

Câu 31: Ông Nhất có hai con là Đoàn và Hội. Hội có người con là Mận và Lê. Đoàn có người con là Mẫn. Vậy giữa Nhẫn và Mận thuộc hàng thừa kế thứ mấy

- A. Hàng thứ nhất
- B. Hàng thứ hai
- C. Hàng thứ ba
- D. Không thuộc hàng thừa kế nào

Câu 32: Trường hợp làm chứng cho việc lập di chúc nào sau đây là hợp pháp

- A. Ông A lập di chúc miệng không cho B (cháu nội ông A) hưởng di sản; và nhờ B làm chứng
- B. Ông A lập di chúc cho C (con ruột ông A) hưởng di sản nhờ vợ C làm chứng
- C. Ông A lập di chúc không cho E (cháu gọi ông A là chú ruột) hưởng di sản và nhờ E làm chứng
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều sai

Câu 33: nội dung nào sau đây không phù hợp với việc chia thừa kế theo pháp luật

- A. Chia đều cho những người cùng hàng thừa kế
- B. Người thừa kế không được từ chối nhận di sản
- C. Không phân biệt độ tuổi người thừa kế
- D. A và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 34: Đối tượng nào sau đây của người chết được hưởng thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc

- A. Con nuôi chưa đủ 18 tuổi
- B. Con riêng chưa đủ 18 tuổi
- C. Cha, mẹ nuôi
- D. Tất cả đều đúng

Câu 35: Tòa án không tiến hành hòa giải khi

- A. Chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kì hôn nhân
- B. Tòa giải quyết ly hôn theo yêu cầu một bên
- C. Vợ, chồng thuận tình ly hôn yêu cầu tòa giải quyết ly hôn
- D. A và B đúng
- E. A và C đúng

Câu 36: Bản án hình sự phúc thẩm do Tòa án Thành Phố Hồ Chí Minh tuyên có thể

- A. Bị kháng nghị bởi Viện kiểm sát nhân dân TPHCM
- B. Bị kháng nghị bởi viện kiểm soát nhân dân cấp cao hoặc tối cao
- C. Bị kháng cáo bởi bị cáo
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 37: Nội dung nào sau đây không phù hợp với hình phạt

- A. Hình phạt chính có mục đích trừng trị, răn đe người phạm tội
- B. Án treo là hình phạt
- C. Mức thấp nhất của hình phạt cải tạo không giam giữ là 3 tháng
- D. B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 38: Tài sản riêng của vợ chồng bao gồm:

- A. Tài sản chỉ đứng tên của vợ hoặc chồng trong giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu
- B. Mọi tài sản mà vợ chồng có trước thời kì hôn nhân
- C. Phần tài sản vợ, chồng được nhận sau khi chia tài sản chung
- D. A và C đúng
- E. B và C đúng

Câu 39: Nội dung nào sau đây không phù hợp với khái niệm tội phạm

- A. Thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự là tội phạm
- B. Hành vi phạm tội có thể là hành vi chưa gây ra thiệt hại
- C. Hành vi phạm tội luôn là hành vi nguy hiểm cho xã hội
- D. B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 40: Vợ chồng bà Thủy ông Tài có tài sản chung là 18 tỷ; ông Tài có một người con riêng là Nhân (16 tuổi có khả năng lao động). Do cuộc sống không hạnh phúc nên trước khi chết, bà Thủy lập di chúc cho chị gái mình là Loan hưởng toàn bộ di sản; đồng thời nêu rõ không cho ông Tài hưởng di sản. Nếu có tranh chấp vì bà Loan được chia di sản là:

- A. 2 tỷ
- B. 3 tỷ
- C. 6 tỷ
- D. 9 tỷ
- E. 12 tỷ

Câu 41: Bà Tiến có con là Hạ và Quang, Hạ có vợ là Yến, có hai con chung là Bình và An; vợ chồng Hạ và Yến có tài sản chung là 200 triệu. Bà Tiến chết để lại di sản 300 triệu và lập di chúc chia cho Hạ và Quang mỗi người 150 triệu. Nếu bà Tiến và Hạ chết cùng thời điểm thì Yến được chia di sản là

- A. 250 triệu
- B. 200 triệu
- C. 100 triệu
- D. 75 triệu

Câu 42: Nội dung nào sau đây phù hợp với di chúc bằng văn bản do người để lại thừa kế tự lập

- A. Không biết buộc phải có người làm chứng
- B. Nếu quá 03 năm, kể từ khi lập di chúc mà người lập di chúc không thể chết thì di chúc mất hiệu lực
- C. Pháp luật không quy định thời hạn mất hiệu lực của di chúc bằng văn bản
- D. A và C đúng
- E. A và B đúng

Câu 43: Ngân 29 tuổi phạm tội theo khoản 1 điều 129 BLHS “Người nào vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính, thì bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm” nên bị Tòa phạt 3 năm tù cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 5 năm. Nội dung nào sau đây không phù hợp với pháp luật hình sự

- A. Tội phạm của Ngân thuộc ít nghiêm trọng, vì mức phạt thấp nhất của khung là 1 năm
- B. Tội phạm của Ngân thuộc ít nghiêm trọng, vì mức hình phạt tòa tiên án là 3 năm
- C. Tội phạm của Ngân thuộc ít nghiêm trọng, vì Tòa cho hưởng án treo
- D. Việc cho Ngân hưởng án treo là không đúng, vì khoản 1 điều 129 không quy định**
- E. Tất cả đều đúng

Câu 44: Mục đích của việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người phạm tội là

- A. Để đảm bảo cho việc điều tra vụ án
- B. Trừng trị người phạm tội
- C. Phòng ngừa và cải tạo phạm tội
- D. B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 45: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người từ đủ 18 tuổi phạm tội có thể là:

- A. 5 năm
- B. 10 năm
- C. 15 năm
- D. 20 năm
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 46: Nhẫn và Nghĩa đều phạm tội theo khoản 1 điều 136 “Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm” và bị Tòa phạt sơ thẩm phạt Nhẫn 4 năm tù giam, Nghĩa 2 năm tù cho hưởng án treo (nhưng không áp dụng thời gian thử thách). Trong trường hợp bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực vẫn có thể bị kháng nghị để:

- A. Xét lại theo thủ tục phúc thẩm
- B. Xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm
- C. Xét lại theo thủ tục tái thẩm
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 47: Ngày 1.7.2009, Mẫn phạm tội trộm cắp và bị bắt tạm giam. Bảy tháng sau Tòa đưa ra xét xử và phạt 31 tháng cải tạo không giam giữ. Ngày 1.3.2010, Mẫn tiếp tục phạm tội cướp giết và bị bắt tạm giam. Ba tháng sau xét xử và phạt Mẫn 5 năm tù giam. Vậy Mẫn còn phải tiếp tục chấp hành hình phạt bao lâu

- A. 5 năm
- B. 5 năm 1 tháng tù giam
- C. 5 năm 3 tháng tù giam
- D. Tất cả đều sai

Câu 48: Nam phạm tội theo khoản 1 điều 101 BLHS “Người nào xúi giục làm người khác tự sát hoặc giúp người khác tự tử, thì bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm” và bị Tòa phạt 2.5 năm tù giam. Dựa vào tiêu chí nào sau đây để khẳng định khoản 1 điều 101 thuộc loại tội ít nghiêm trọng

- A. Mức hình phạt Tòa áp dụng là dưới 3 năm tù
- B. Mức hình phạt Tòa áp dụng là 2.5 năm tù
- C. Mức cao nhất của khung hình phạt là 3 năm tù
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 49: Sau khi chấp hành xong hình phạt 18 năm tù giam về tội mua bán heroin, bà Mỹ sẽ được xóa án tích. Nội dung nào sau đây phù hợp với việc xóa án tích của bà Mỹ

- A. Bà Mỹ phải cải tạo tốt trong trại giam thì sau khi chấp hành xong hình phạt tù mới được xóa án tích
- B. Sau 7 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù
- C. Sau 5 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù
- D. A và C đều đúng
- E. A và B đều đúng

Câu 50: Khoản 1 điều 135 BLHS quy định “Người nào đe dọa dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn uy hiếp tinh thần của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”. Nội dung nào sau đây phù hợp với tội này.

- A.** Đây là tội ít nghiêm trọng nên có thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 5 năm
- B.** Đây là tội nghiêm trọng nên có thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm
- C.** Tội này chỉ áp dụng cho người đủ 18 tuổi trở lên
- D.** B và C đúng
- E.** Tất cả đều sai

Câu 51: Việc áp dụng hình phạt trong tình huống nào sau đây là đúng

- A.** K phạm tội giết người bị phạt 22 năm tù giam
- B.** N 15 tuổi phạm tội cướp bị phạt 20 năm tù giam
- C.** Q 15 tuổi phạm tội được hưởng án treo
- D.** A và B đúng
- E.** Tất cả đều đúng

Câu 52: X phạm tội bị kết án chung thân. Nếu X cải tạo tốt thì việc giảm án theo hướng nào sau đây đúng

- A.** Sau 12 năm X được giảm án lần đầu và có thể được giảm nhiều lần sau đó nhưng tối thiểu phải chấp hành thực tế 30 năm
- B.** Sau 12 năm X được giảm án lần đầu và có thể được giảm nhiều lần sau đó nhưng tối thiểu phải chấp hành thực tế thêm 8 năm
- C.** Sau 12 năm X được giảm án lần đầu và có thể được giảm nhiều lần sau đó nhưng tối thiểu phải chấp hành thực tế 15 năm
- D.** Tất cả đều sai

Câu 53: Người phạm tội có thể được Tòa án cho hưởng án treo khi

- A.** Chỉ phạm tội có khung hình phạt cao nhất là 3 năm tù
- B.** Có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt
- C.** Chỉ phạm tội có khung hình phạt dưới 3 năm tù
- D.** A và C đúng
- E.** B và C đúng

Câu 54: Bản án hình sự sơ thẩm chưa có hiệu lực có thể được kháng nghị để

- A. Xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm**
- B. Xét xử lại theo thủ tục giám đốc thẩm
- C. Xét xử theo thủ tục tái thẩm
- D. B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 55: A phạm tội sản xuất hàng giả (theo khoản 1 điều 156 BLHS) nên bị Tòa phạt hai năm tù và tịch thu toàn bộ lô hàng giả. Việc tịch thu lô hàng giả này là

- A. Hình phạt chính
- B. Hình phạt bổ sung**
- C. Biện pháp tư pháp
- D. Tất cả đều sai

Câu 56: Nam (19 tuổi) phạm tội theo khoản 1 điều 110 BLHS “Người nào đối xử tàn ác với người lệ thuộc mình thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm”. Việc áp dụng hình phạt nào sau đây là đúng đối với Nam

- A. Tòa phạt Nam 3 tháng cải tạo không giam giữ
- B. Tòa phạt Nam 2 năm cải tạo không giam giữ
- C. Tòa phạt Nam 6 tháng tù cho hưởng án treo và thời gian thử thách là một năm rưỡi**
- D. B, C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 57: Từ ngày 1.9.2012 đến ngày 19.12.2012, Trang phạm tội hành hạ bốn em trong nhóm trẻ do Trang nhận giữ tại nhà nhưng không bị phát hiện. Biết rằng hành vi của Trang đã cấu thành tội phạm (thuộc tội ít nghiêm trọng). Ngày 25.12.2012 sau khi đoạn băng video được tung lên mạng thì hành vi của Trang bị phát hiện. Ngày 26.12.2012, công an mới Trang lên làm việc. Thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày

- A. 1.9.2012**
- B. 19.12.2012
- C. 15.7.2012
- D. 26.12.2012
- E. A và B đúng

Câu 60: Kể từ năm 2007, anh Xuân và chị Hạ sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Giữa họ có một người con chung. Nếu họ yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án có giải quyết hay không

- A. Không vì họ kết hôn trái pháp luật
- B. Không vì họ không đăng ký kết hôn**
- C. Có vì giữa họ có con chung
- D. A và B đúng
- E. Tất cả đều sai

Câu 61: Kết hôn trái pháp luật được hiểu là

- A. Xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn
- B. Xác lập quan hệ vợ chồng (sống chung với nhau) trước, rồi sau đó mới đăng ký kết hôn
- C. A và B đúng
- D. A và B sai**

Câu 62: Ông Lân kết hôn với bà Ngọc. Biết rằng, ông Lân có người con trai riêng là Tuấn; bà Ngọc có người con gái riêng là Như. Vậy Như và Tuấn có thể kết hôn với nhau không

- A. Được vì không thuộc các trường hợp bị cấm kết hôn
- B. Không được vì giữa Như và Tuấn đang là anh em
- C. Không được vì giữa Như và Tuấn có mối quan hệ huyết thống trong phạm vi ba đời
- D. B và C đúng**
- E. Tất cả đều sai

Câu 63: Giáp và Ất là hai người nam tổ chức đám cưới và đãi 200 khách. Tiệc đang nửa chừng, chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản yêu cầu chấm dứt tiệc cưới và xử phạt hành chính Giáp và Ất về hành vi kết hôn trái pháp luật. Vậy Giáp và Ất có bị coi là kết hôn trái pháp luật không

- A. Có vì kết luật cấm kết hôn đồng tính
- B. Có vì hai người phạm vi các điều kiện kết hôn
- C. Không vì đám cưới chứ không phải là kết hôn trái pháp luật**
- D. A và B đúng

Câu 64: Ông Tú có hai người con là Ngân và Nga, Nga có con là Đức, Ngân có hai người con là Thụy và Mỹ. Mỹ có hai người con là Pháp và Hàn. Nếu lấy ông Tú là đời 1, hãy xác định giữa những ai sau đây cùng thuộc đời 3

- A. Đức, Thụy, Mỹ
- B. Thụy, Đức**
- C. Mỹ, Nga
- D. Đức, Pháp
- E. A và B đúng

Câu 65: Bà Thanh là di ruột của ông Hóa, bà Thanh có con trai là Thành. Ông Hóa có người con gái là Hòa. Xét về huyết thống, giữa Thành và Hòa có bị cấm kết hôn không

- A. Có vì giữa Thành và Hòa có họ trong phạm vi ba đời**
- B. Có vì giữa Thành là đời thứ ba và Hòa là đời thứ tư
- C. Có vì giữa Thành và Hòa có họ trong phạm vi bốn đời
- D. B và C đúng
- E. Tất cả đều đúng

Câu 67: Ông Z có con đẻ là N và người con nuôi là M. Vậy M và N có thể kết hôn với nhau được không.

- A. Không vì M và N đều có cha là Z
- B. Không vì M và N thuộc phạm vi đời thứ hai nên bị cấm kết hôn**
- C. Có nhưng Z và M phải làm thủ tục chấm dứt nuôi con trước khi kết hôn với N
- D. Tất cả đều sai

Câu 68: Con riêng của vợ và con riêng của chồng có thể kết hôn với nhau được không

- A. Không vì giữa họ thuộc phạm vi đời thứ hai**
- B. Không vì giữa họ thuộc phạm vi đời thứ ba
- C. Không vì giữa họ có quan hệ huyết thống trực hệ
- D. Tất cả đều sai

Câu 69: Bà Hai là vợ của ông Năm. Bà Hai có một người con gái riêng là Chính (37 tuổi, chưa có chồng). Bà Hai chết ông Năm và bà Chính kết hôn với nhau được không

- A.** Không vì giữ họ đã từng là bố dượng với con riêng của vợ
- B.** Không vì con riêng của vợ cũng được xem là con chung của hai vợ chồng
- C.** Được vì cả hai người đều còn đang độc thân
- D.** A và B đúng
- E.** Tất cả đều sai

Câu 70: Bà Ngọc có con ruột là Mai và Hân. Hân có con ruột là Nhi và Nhân; Mai có con ruột là Minh. Nội dung nào sau đây đúng với tình huống

- A.** Giữa Minh và Hân có quan hệ huyết thống thuộc phạm vi đời hai (Hân) và đời ba (Minh)
- B.** Giữa Minh, Nhi, Nhân có quan hệ huyết thống thuộc đời ba của nhau
- C.** Giữa Mai và Nhi có quan hệ huyết thống trực hệ
- D.** A và B đúng
- E.** Tất cả đều sai

Câu 71: Vợ chồng bà Hai và ông Năm đang nuôi con 7 tháng tuổi. Tòa sẽ thụ lý giải quyết ly hôn khi

- A.** Bà Hai nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn
- B.** Hai vợ chồng thỏa thuận (thuận tình ly hôn)
- C.** Ông Năm nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn
- D.** A và B đúng
- E.** Tất cả đều đúng

Câu 72: Vợ chồng ông N và M có tài sản chung là 1 tỷ. Mức độ đóng góp vào tài sản chung của vợ chồng khác nhau, cụ thể: ông N đóng góp bảy phần, bà M đóng góp 3 phần. Khi ly hôn tài sản này được chia như thế nào

- A.** Ông M 700 triệu và bà M 300 triệu
- B.** Bà M 600 triệu và ông N 400 triệu
- C.** Mỗi người nhận được một nửa
- D.** A và C đúng
- E.** Tất cả đều đúng

Câu 73: Ông Tuấn và bà Oanh có tài sản chung là 500 triệu đồng tiền mặt và một mảnh đất trị giá 1 tỷ. Mạnh (con riêng của ông Tuấn) cần một số vốn lớn để trả nợ và mở rộng đầu tư kinh doanh nhưng thiếu vốn. Ông Tuấn không muốn ly hôn nhưng đề nghị bà Oanh chia toàn bộ tài sản chung để giúp đỡ Mạnh nhưng bà Oanh phản đối. Việc phản đối này đúng hay sai

- A. Đúng vì việc chia tài sản của vợ chồng chỉ nhằm xuất phát từ lợi ích chung của vợ chồng**
- B. Đúng vì việc chia tài sản chung của vợ chồng chỉ được đặt ra khi ly hôn**
- C. Đúng vì vợ chồng chỉ có thể chia một phần tài sản mà không thể chia hết**
- D. A và B đúng**
- E. Tất cả đều sai**

Câu 74: Bà Mỹ mang thai 5 tháng nộp đơn yêu cầu tòa giải quyết ly hôn với ông Pháp; đồng thời yêu cầu được quyền nuôi con chung là bé An (30 tháng tuổi). Sau ba lần giải hòa không thành, tòa mở phiên tòa xét xử và ra bản án cho ly hôn, đồng thời giao bé An cho ông Pháp nuôi. Cách thức giải quyết của tòa là

- A. Sai vì An là bé gái và mới 30 tháng tuổi phải giao cho mẹ nuôi**
- B. Sai vì bà Mỹ đang mang thai mà tòa vẫn thụ lý giải quyết cho ly hôn**
- C. Sai vì Tòa tiến hành hòa giải đến ba lần**
- D. Tất cả đều sai**
- E. Tất cả đều đúng**

Câu 75: X (nữ, 17 tuổi) và Y (nam, 22 tuổi) muốn đăng ký kết hôn nên X đã chỉnh sửa nâng giấy tờ lên thành 20 tuổi. Do không phát hiện ra chỉnh sửa nên cán bộ hộ tịch vẫn tiến hành đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Ngay sau đó, gia đình X biết được và không chấp nhận điều này. Vậy phương án nào giải quyết tình huống này

- A. Yêu cầu tòa án ra quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật**
- B. Yêu cầu tòa giải quyết ly hôn**
- C. Yêu cầu tòa thu hồi đăng ký kết hôn**
- D. B và C đúng**
- E. Tất cả đều sai**

Câu 76: Nếu người nam và nữ đủ điều kiện kết hôn xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không đăng kí kết hôn thì

- A. Bị xem là kết hôn trái pháp luật
- B. Không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng
- C. Pháp luật buộc phải chấm dứt quan hệ vợ chồng
- D. A và B đúng
- E. B và C đúng

